



## KINH NGHIỆM THUY ĐIỂN TRONG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO

PGS. TSKH TRẦN NGUYỄN TUYẾN\*

**1. Tình hình EU nói chung và kinh tế - xã hội Thụy Điển dưới tác động của cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế thế giới.**

Liên minh châu Âu gồm 27 nước trong đó có 16 nước sử dụng đồng EURO đang chịu tác động nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính thế giới. Tình hình kinh tế của các nước EU nói chung là khó khăn mặc dù trong quý III năm 2009, kinh tế của khối tăng trưởng 0,4%, sau 5 quý liên tiếp tăng trưởng âm, trong đó, Đức tăng 0,7%, Pháp: 0,3%, Thụy Điển: 0,5%. Dấu hiệu phục hồi xuất hiện, tuy nhiên, còn nhiều rủi ro, chưa vững chắc và đồng đều. Nhiều thành viên chưa ra khỏi suy thoái nhất là khu vực Trung Âu và Đông Âu. Điều đáng lo ngại của tình hình kinh tế - xã hội của các nước EU là tỉ lệ thất nghiệp cao, trên hai con số gắn với thực trạng thâm hụt ngân sách, nợ công ngày càng gia tăng. Hiện nay, trong khối có hơn 22 triệu người thất nghiệp, nhiều nước có số lượng người thất nghiệp lớn như Tây Ban Nha: 4 triệu, Thụy Điển: 0,8 triệu (trên dân số 10 triệu người).

Cuộc khủng hoảng này đã bộc lộ rõ những khiếm khuyết của mô hình kinh tế tự do Âu - Mỹ, với thuyết kinh tế thị trường tự do kiểu mới, đồng thời cho thấy cần tăng cường vai trò điều tiết, can thiệp của nhà nước ở phạm vi quốc gia, quốc tế trong việc kiểm soát hệ thống tài chính ngân hàng, phối hợp chính sách ở phạm vi khu vực và

quốc tế, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội (tạo việc làm, giáo dục, y tế). Vì đây là cuộc khủng hoảng mang tính cơ cấu và thể chế sâu sắc cho nên để khắc phục nó, các nước trong EU đã phải tập trung để tái cơ cấu kinh tế đồng thời với việc cải cách thể chế phù hợp với điều kiện mới hiện nay. Nhiều khả năng kinh tế của các nước EU sẽ thoát ra khỏi khủng hoảng sau các nước Đông Á và Mỹ. Hiện nay, các nước EU đang lấy tăng trưởng xanh làm trung tâm cho tái cơ cấu kinh tế để duy trì vị thế cạnh tranh của EU sau khủng hoảng.

Kinh tế Thụy Điển mặc dù có tăng trưởng trong quý III năm 2009, song cả năm kinh tế nước này tăng trưởng âm 5%. Nên kinh tế chưa có dấu hiệu phục hồi bên cạnh tỉ lệ thất nghiệp cao và tình trạng thâm hụt ngân sách lớn, vì vậy, nguy cơ lạm phát trong thời gian tới là rất lớn.

Nạn thất nghiệp tăng cùng với suy giảm đầu tư của Chính phủ Thụy Điển đối với các lĩnh vực xã hội như y tế, giáo dục, tạo việc làm cho thấy mô hình xã hội phúc lợi của những thập kỉ 70, 80 thế kỉ XX đã làm vào khủng hoảng. Khủng hoảng kinh tế đã tác động mạnh đến tình hình chính trị nội bộ của nước này, tạo cơ hội cho các lực lượng cánh hữu lên nắm chính quyền trong khi các lực lượng cánh tả như Đảng Xã hội dân chủ và Đảng Cộng sản đang bị mất dần vị thế và gặp nhiều khó khăn trong hoạt

\* Ban Đối ngoại Trung ương

động. Điều đáng chú ý là trong bối cảnh đó, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và người lao động lại rất hạn chế do nội bộ chưa thống nhất về cương lĩnh và tổ chức thực hiện.

Về chính sách đối ngoại, từ khi gia nhập liên minh EU, Thụy Điển đã mất đi tính độc lập của mình. Trước kia Thụy Điển là một nước trung lập, nhưng hiện nay Thụy Điển đã tham gia cuộc chiến ở Áp-ga-ni-xtan, ủng hộ các chính sách của Mỹ và Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO).

**2. Về chiến lược khoa học - công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Thụy Điển.**

Thụy Điển là một đất nước có trình độ phát triển cao về KH-CN, có nhiều kinh nghiệm thành công trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Mặc dù dân số không lớn, từ một nước nghèo nhất ở châu Âu vào giữa thế kỉ XIX, sau một thế kỉ tiến hành công nghiệp hóa và hiện đại hóa, Thụy Điển đã trở thành một nước phát triển hàng đầu thế giới, có vị trí và uy tín cao trên trường quốc tế. Trong thập kỉ 70, 80 của thế kỉ XX, Thụy Điển được ghi nhận là một "mô hình" xã hội tiên tiến với chế độ phúc lợi xã hội cao.

Thụy Điển đã đi qua giai đoạn công nghiệp hóa và đang trên đường tiến tới một xã hội hậu công nghiệp với cơ sở là kinh tế tri thức, là một trong những nước có tỉ lệ chi cho nghiên cứu và triển khai công nghệ trong công nghiệp cao (3% GDP). Đây cũng là một trong những quốc gia hàng đầu về ứng dụng công nghệ thông tin (IT) với hơn 70% số dân sử dụng internet và hơn 4 triệu thuê bao điện thoại di động. IT đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế và quản lý hành chính của Thụy Điển.

Mặc dù gặp khó khăn do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính song việc triển khai chiến lược KH-CN, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Thụy Điển vẫn được chú trọng, thể hiện qua nguồn lực đầu tư từ ngân sách cho KH-CN, giáo dục - đào tạo (GD-ĐT) không giảm. Trong điều kiện toàn cầu hóa hiện nay, KH-CN đã trở thành lực lượng sản xuất, có sự

phát triển mạnh mẽ ở những ngành có trình độ ứng dụng KH-CN cao. Những ngành đó vẫn tiếp tục là một trong những động lực phát triển của các nước trên thế giới, nhất là với các quốc gia như Thụy Điển. Nhịp độ tăng trưởng của ngành công nghệ thông tin ở các nước phát triển gấp 3 - 4 lần nhịp độ tăng trưởng chung của nền kinh tế (theo số liệu công bố của tổ chức OECD, ở một số nền kinh tế trình độ phát triển cao như Mỹ, Nhật Bản, Thụy Điển, hơn 60% GDP được tạo ra là do KH-CN đem lại).

Kinh nghiệm của Thụy Điển cho thấy, để phát triển KH-CN và GD-ĐT cần chú trọng đầu tư cho nghiên cứu khoa học và phổ cập kiến thức KH-CN. Hệ thống các tổ chức khoa học của Thụy Điển bao gồm cơ sở của các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu, các phòng thí nghiệm nhà nước và các doanh nghiệp tư nhân. Nhà nước có cơ chế hợp tác chặt chẽ trong việc xây dựng chiến lược, kế hoạch nghiên cứu và triển khai ứng dụng. Hội đồng khoa học Thụy Điển có chức năng, nhiệm vụ tư vấn, thẩm định các dự án do các trường đại học, đơn vị doanh nghiệp chuyển lên trước khi Chính phủ xem xét, quyết định. Hội đồng này có đại diện tại nhiều thành phố, địa phương lớn của Thụy Điển.

Đầu tư cho nghiên cứu khoa học và đào tạo được huy động từ nhiều nguồn vốn khác nhau. Đầu tư từ ngân sách của Chính phủ đóng vai trò quan trọng trong việc huy động các nguồn vốn khác cũng như trong việc triển khai hoạt động. Nguồn vốn này thường chiếm 1/3 tổng số vốn được huy động và chủ yếu để hỗ trợ nghiên cứu cơ bản, lĩnh vực có thể không tạo ra những ứng dụng ngay lập tức nhưng đòi hỏi mức độ đầu tư dài hạn mà các cơ sở nghiên cứu đơn lẻ của tư nhân không thể đảm đương được. Chính phủ cũng có trách nhiệm trong việc đảm bảo quản lý và sử dụng các nguồn vốn đầu tư cho KH-CN và đào tạo được sử dụng có hiệu quả (tránh thất thoát, tham nhũng). Hội đồng khoa học Thụy Điển thường xuyên xem xét, sửa đổi các thủ tục đánh giá và quản lý các chương trình nghiên cứu để đảm bảo các nguồn vốn đầu tư trong lĩnh vực này được sử dụng một

cách hợp lý và hiệu quả.

Giữa nghiên cứu khoa học cơ bản và nghiên cứu khoa học ứng dụng có mối liên hệ gắn bó chặt chẽ, mật thiết không tách rời. Vì vậy, các trường đại học, viện nghiên cứu trong nước thường xuyên hợp tác với các doanh nghiệp trong quá trình triển khai đề tài, dự án. Những đề tài, dự án này phần lớn thực hiện theo đơn đặt hàng từ phía các doanh nghiệp (chẳng hạn, công ty Ericsson nhiều năm liên tục hợp tác với Học viện Công nghệ Hoàng gia Thụy Điển nghiên cứu những công nghệ ứng dụng mới trong lĩnh vực điện tử; trong đó, không ít sáng chế được triển khai trên thực tế đã đem lại lợi nhuận khổng lồ cho doanh nghiệp). Thực tế cho thấy, việc gắn kết này đã đảm bảo cho các sản phẩm nghiên cứu, nhất là về khoa học - kĩ thuật hầu như không còn khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn. Các sản phẩm nghiên cứu đều được hiện thực hóa nhanh chóng trong đời sống xã hội.

Một đặc điểm nổi bật trong phát triển KH-CN và GD-ĐT của Thụy Điển là sự liên kết chặt chẽ giữa các trường đại học với các ngành nghiên cứu khoa học. Đây là một yếu tố quan trọng để đảm bảo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực sau khi ra trường. Nội dung đào tạo cũng được cải cách theo hướng gắn chặt hơn với yêu cầu giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra trong việc ứng dụng, phát triển KH-CN. Nâng cao kiến thức về KH-CN và quản lý cho người dân thông qua hoạt động của các trường đại học đã góp phần ứng dụng và triển khai nhanh những khám phá, phát minh KH-CN phức tạp vào đời sống như công nghệ nano, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin. Việc khuyến khích nghiên cứu khoa học, gắn lý thuyết với thực hành giải quyết đơn đặt hàng của các công ty được các trường đại học chú trọng trong quá trình đào tạo sinh viên. Chính phủ có chính sách khuyến khích đào tạo tài năng trẻ trong các trường học, chính điều này tạo điều kiện để nâng cao chất lượng nghiên cứu của các trung tâm khoa học, đồng thời bổ sung nguồn nhân lực cho các

công ty, các cơ quan và các tổ chức xã hội. Việc cải cách GD-ĐT được tiến hành theo hướng :

+ Chú trọng đào tạo nhân tài, chuyển sang hệ thống giáo dục coi trọng tính tự chủ, tính sáng tạo, tính đa dạng.

+ Cải thiện chất lượng giáo dục ở các hệ thống phổ thông, đại học và sau đại học, đào tạo tiến sĩ và sau tiến sĩ.

+ Mở rộng nền tảng phúc lợi giáo dục để bất kì ai, dù có hoàn cảnh gia đình khó khăn thế nào cũng có thể có cơ hội học tập, nâng cao trình độ, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Thụy Điển chú trọng việc mở rộng hợp tác quốc tế, huy động các nhà khoa học Thụy Điển ở nước ngoài về nước, đồng thời thu hút các nhà khoa học tài năng đến Thụy Điển làm việc. Hiện nay, Thụy Điển đang là địa chỉ hấp dẫn trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế, được nhiều nước quan tâm.

### 3. Một số nhận xét và đề xuất.

Qua nghiên cứu về chiến lược, chính sách phát triển KH-CN và GD-ĐT của Thụy Điển, có thể khẳng định, trong điều kiện nguồn nhân lực của đất nước không lớn, việc phát triển KH-CN và GD-ĐT đã trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội Thụy Điển. Điều này được thể hiện khi thực hiện chiến lược công nghiệp hóa và hiện đại hóa và hiện nay trong việc thực hiện mục tiêu về xã hội phúc lợi, tiến tới một xã hội hậu công nghiệp với cơ sở là nền kinh tế tri thức.

Từ kinh nghiệm của Thụy Điển về phát triển KH-CN và GD-ĐT, có thể rút ra một số kinh nghiệm có thể nghiên cứu, áp dụng trong lĩnh vực này ở nước ta:

- Chú trọng xây dựng và thực hiện chiến lược kế hoạch phát triển KH-CN và GD-ĐT của đất nước trong điều kiện toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế. Chiến lược này cần phải gắn với mục tiêu, yêu cầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá; trong đó, có mục tiêu đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp

(Xem tiếp trang 73).

quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chính vì vậy, thời hiệu khởi kiện về thừa kế đối với mọi trường hợp người có di sản chết trước ngày 10-9-1990 được xem là đến ngày 10-3-2003 mới bị hết thời hiệu (theo Thông tư liên ngành số 01/TTLT ngày 25-1-1999 của Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao).

Do đó, việc chú của Nguyễn Đức Việt khởi kiện đòi quyền thừa kế đã rơi vào trường hợp hết thời hiệu khởi kiện thừa kế.

**2. Trường hợp thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế vẫn còn (khởi kiện trước 10-03-2003).**

Trường hợp thừa kế quyền sử dụng đất thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về

dân sự, một phần thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đất đai.

Áp dụng quy định của *Bộ luật Dân sự* năm 2005 để giải quyết trường hợp nói trên thì có thể xác định việc ông Nguyễn Đức Khôi và bà Trần Thị Hoàn qua đời mà không để lại di chúc nên phần di sản mà họ để lại sẽ được phân chia theo pháp luật. Những người con của ông Nguyễn Đức Khôi và bà Trần Thị Hoàn mới là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất (Điều 676). Nghĩa là trong trường hợp ông bố qua đời không để lại di chúc thì số tài sản nói trên phải được chia thành sáu phần bằng nhau.

Khi đó, anh Nguyễn Đức Việt được hưởng thừa kế thế vị là một suất thừa kế của ông Nguyễn Đức Minh □

\* \* \* \* \*

## KINH NGHIỆM THUYẾT ĐIỂN TRONG...

(Tiếp theo trang 67)

theo hướng hiện đại. Điều này càng trở nên cấp bách trong điều kiện hiện nay khi toàn Đảng, toàn dân đang tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và chuẩn bị cho Đại hội lần thứ XI sắp tới.

- Xác định chủ trương và xây dựng cơ chế, chính sách nhằm phát triển mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động KH-CN với GD-ĐT để thực sự phát huy vai trò quốc sách hàng đầu, tạo động lực đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, từng bước xây dựng và phát triển nền kinh tế tri thức của Việt Nam. Cùng với việc đẩy mạnh việc xã hội hoá hoạt động KH-CN, GD-ĐT, cần nâng cao vai trò của Nhà nước trong việc hoạch định chiến lược, tập trung đầu tư vào các chương trình nghiên cứu quốc gia, xây dựng tiềm lực KH-CN, phấn đấu đạt trình độ khu vực và thế giới trong thời gian tới.

- Đổi mới tổ chức, quy chế liên kết giữa KH-CN với GD-ĐT; giữa nghiên cứu và giảng dạy với hoạt động sản xuất - kinh doanh, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Đổi mới cơ chế quản lý khoa học, cơ

chế tài chính nhất là trong việc đặt hàng, đánh giá chất lượng các công trình nghiên cứu, sản phẩm khoa học, khắc phục tình trạng nghiên cứu chạy, không xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, gây lãng phí các nguồn lực ngân sách nhà nước.

- Chuyển các tổ chức nghiên cứu ứng dụng và phát triển KH-CN sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp dưới các hình thức phù hợp, khuyến khích phát triển KH-CN trong các thành phần kinh tế. Theo hướng này, cần xây dựng lộ trình phát triển thị trường KH-CN gắn với thị trường lao động, đào tạo và sử dụng hợp lý nguồn nhân lực chất lượng cao. Thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ, thu hút chuyên gia quốc tế giỏi, nhất là người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học ở Việt Nam. Xây dựng chính sách để các nhà khoa học, cán bộ giảng dạy có thể tập trung trí tuệ, công sức để cống hiến cho việc nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá □